**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHÂU THÀNH**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**26/**2019/DS – ST
Ngày:12/9/2019
*"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kim Sa Pha
*Các hội thẩm nhân dân:*
1./ Ông Nguyễn Văn Ngư
2./ Ông Trương Thoại Lượng
*Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLST – DS ngày 21/3/2019; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST – DS ngày 14 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng A.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc, Ngân hàng A. Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

+*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trịnh Bích T – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Trịnh Bích T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hải A – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Ông A có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh ST

-Bị đơn: Ông Trần Hữu X, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Địa chỉ: Địa chỉ: ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng A, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hải A trình bày:*

Vào ngày 11/4/2017, Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành có cho hộ ông Trần Hữu X vay các khoản vay sau:

- Khoản vay thứ 1: Cho ông X vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi gà, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này ông X còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền vốn vay, chỉ thanh toán được khoảng tiền lãi là 6.013.633 đồng và lãi tiền lãi còn nợ lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 419.370 đồng.

- Khoản vay thứ 2: Cho ông X vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi bò theo chương trình hộ mới thoát nghèo, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này ông X còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền vốn vay, chỉ thanh toán được khoản tiền lãi là 9.396.299 đồng và tiền lãi còn nợ lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 655.269 đồng.

- Khoản vay thứ 3: Cho ông X vay số tiền 12.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây dựng công trình nước sạch, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi). Đến thời điểm hiện nay, đối với khoản vay này ông X còn nợ lại 12.000.000 đồng tiền vốn vay, chỉ thanh toán được khoản tiền lãi là 2.460.121 đồng và tiền lãi còn nợ lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 171.562 đồng.

Tổng số tiền vốn vay của 03 khoản vay nêu trên hộ ông X chưa thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội là 102.000.000 đồng và tiền lãi còn lại chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 1.246.201 đồng.

Nay đã quá thời hạn thanh toán tiền vốn và lãi vay theo khế ước vay vốn của Ngân hàng chính xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Châu Thành với ông Trần Hữu X. Nên Ngân hàng A yêu cầu ông X, ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng để đảm bảo chính sách thu hồi nguồn vốn và thực hiện chính sách cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương.

* Bị đơn ông Trần Hữu X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay nêu trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Trần Hữu X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q. Xét thấy, ông X, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Hữu X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 11/4/2017, Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành có cho hộ ông Trần Hữu X vay 03 khoản vay, cụ thể như:

- Khoản vay thứ 1: Cho ông X vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi gà, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

- Khoản vay thứ 2: Cho ông X vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăn nuôi bò theo chương trình hộ mới thoát nghèo, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 0,89375%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

- Khoản vay thứ 3: Cho ông X vay số tiền 12.000.000 đồng, mục đích cho vay để xây dựng công trình nước sạch, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,975%/tháng, thời hạn cho vay 05 năm, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần (phân kỳ trả vốn và lãi).

Sau khi vay số tiền 03 khoản vay nêu trên thì ông X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn và lãi vay theo đúng phân kỳ như các khế ước nợ đã ký với Ngân hàng A huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nay đã quá thời hạn cho vay và thu hồi vốn, lãi theo phân kỳ nhưng bị đơn ông Trần Hữu X và ông Trần Q không thanh toán tiền vốn và lãi theo các khế ước vay tiền của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện ông X ra Tòa án để thu hồi tiền vốn vay và lãi để đảm bảo nguồn vốn vay nhằm thực hiện chính sách cho vay đối với các đối tượng chính sách xã hội theo chủ trương của Nhà nước tại địa phương. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông X, ông Q yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay của 03 khoản là 102.000.000 đồng và tiền lãi còn lại chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 1.246.201 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn nộp cho Tòa án như sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, người vay ông Trần Hữu X; Các Giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 22/3/2017 và 30/3/2017 (bút lục số 08 đến 13) được Tòa án công khai chứng cứ và bị đơn không có ý gì phản đối, các hồ sơ vay vốn đều thể hiện ký tên, nhận tiền của ông Trần Hữu X. Nên Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ xác định bị đơn ông Trần Hữu X có vay của Ngân hàng A, chi nhánh phòng giao dịch huyện Châu Thành số tiền vốn vay của 03 khoản nêu trên là 102.000.000 đồng và tiền lãi còn lại chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019 là 1.246.201 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi của 03 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 103.246.201 đồng.

Do đã quá thời hạn thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay, bị đơn ông Trần Hữu X, ông Trần Q đã vi phạm tại điểm c mục 2.2 khoản 2 về quyền và nghĩa vụ của các bên quy định trong sổ vay vốn mà giữa hai bên thỏa thuận ký kết nên Ngân hàng A khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu X, ông Trần Q là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được miễn nộp toàn bộ do thuộc đối tượng chính sách hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***Tuyên xử:***

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn ông Trần Hữu X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q, yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay, tổng số tiền là 103.246.201 đồng.

2./ Buộc ông Trần Hữu X, ông Trần Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ) cho Ngân hàng A là 103.246.201 đồng (Một trăm lẽ ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ không một đồng). Trong đó, tiền vốn vay là 102.000.000 đồng và tiền lãi là 1.246.201 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 13/9/2019 ông Trần Hữu X, ông Trần Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định trong khế ước vay vốn tương ứng với từng khoản vay của từng kế ước vay mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết cho đến khi thi hành xong bản án.

*3./ Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Trần Hữu X, ông Trần Q là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được miễn nộp toàn bộ do thuộc đối tượng chính sách hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*4./* Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với ông Trần Hữu X, ông

Trần Q thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*5./* Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Kim Sa Pha**